



BƯỚC ĐẦU NGHIÊN CỨU HIỆN TRẠNG NHẬN THỨC, KHÓ KHĂN, NHU CẦU CẦN HỖ TRỢ CỦA MỘT SỐ CÁN BỘ QUẢN LÝ HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ MỘT SỐ TỈNH MIỀN BẮC

MAI KIÊN ĐỊNH¹, NGUYỄN QUỲNH TRANG¹, VŨ THỊ DUNG¹, DƯ VĂN TOÁN¹, DƯ NGỌC THÀNH²

¹ Viện khoa học khí tượng thủy văn, môi trường và biển

² Đại học Nông lâm Thái Nguyên

Tóm tắt

Hợp tác xã đóng vai trò vô cùng quan trọng trong sự phát triển của nông nghiệp hữu cơ (NNHC) gắn với bảo vệ môi trường qua việc tập hợp và liên kết nông dân, tổ chức sản xuất theo tiêu chuẩn, kết nối thị trường, cung cấp dịch vụ hỗ trợ,... Trong bối cảnh NNHC đòi hỏi tiêu chuẩn cao, quy trình nghiêm ngặt và liên kết chặt chẽ theo chuỗi giá trị, nhận thức đúng đắn và đầy đủ của cán bộ quản lý hợp tác xã NNHC trở thành yếu tố nền tảng bảo đảm sự phát triển bền vững. Kết quả khảo sát tại 5 tỉnh miền Bắc vào thời gian từ tháng 9 đến tháng 11 năm 2025 cho thấy hầu hết các cán bộ quản lý, điều hành và thành viên Ban quản trị hợp tác xã sản xuất NNHC đã có nhận thức tương đối đầy đủ về khái niệm, đặc điểm, vai trò, chuỗi giá trị, các tiêu chuẩn và hệ thống chính sách liên quan đến NNHC. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực tiễn, các hợp tác xã vẫn gặp nhiều khó khăn, nổi bật là hạn chế về thị trường tiêu thụ và đầu ra sản phẩm (chiếm tới 42%), nguồn nhân lực sản xuất và quản trị (chiếm tới 24%), chi phí đầu tư – vận hành cao (chiếm tới 14%), cũng như những bất cập trong tiếp cận chuỗi cung ứng (chiếm tới 12%) và quy hoạch, mở rộng đất đai sạch để sản xuất (chiếm tới 8%). Trên cơ sở đó, nhóm nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp trọng tâm nhằm hỗ trợ và nâng cao vai trò của đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã NNHC.

Từ khóa: Nhận thức, khó khăn, cán bộ quản lý HTX, nông nghiệp hữu cơ.

Ngày nhận bài 26/1/2026; **Ngày sửa chữa:** 6/2/2026; **Ngày duyệt đăng:** 23/2/2026.

A Preliminary study on the perceptions, challenges, and support needs of organic agricultural cooperative managers in northern Vietnam

Abstract

Cooperatives play a pivotal role in the development of organic agriculture (OA) associated with environmental protection by mobilizing farmers, organizing production according to standards, connecting markets, and providing support services. In the context of OA, which demands high standards, rigorous processes, and tight integration within value chains, the correct and comprehensive perception of cooperative managers serves as a fundamental factor ensuring sustainable development. Survey results from five northern provinces indicate that most managers, executives, and Board of Management members of organic agricultural cooperatives possess a relatively comprehensive understanding of the concepts, characteristics, roles, value chains, standards, and policy frameworks related to organic farming. However, during practical implementation, cooperatives continue to face numerous challenges. Notably, these include market constraints and product outlets (accounting for 42%), limitations in production and management human resources (24%), high investment and operational costs (14%), as well as inadequacies in supply chain access (12%) and the planning and expansion of clean production land (8%). Based on these findings, the research group proposes several key solutions aimed at supporting and enhancing the role of cooperative management teams.

Keywords: Awareness, barriers, cooperative managers, organic agriculture.

JEL Classifications: Q15, Q50, Q56, Q57

1. MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, nông nghiệp hữu cơ (NNHC) nhận được sự quan tâm, ủng hộ của nhiều quốc gia trên thế giới nhờ vào lợi ích to lớn đối với

môi trường sinh thái và sức khỏe cộng đồng [18] [19] [20]. Nước ta đã triển khai phát triển NNHC từ năm 2018 thông qua việc Chính phủ ban hành Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Thủ



tướng Chính phủ về NNHC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/10/2018 [5]. Đến ngày 23/6/2020, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục ban hành Quyết định số 885/QĐ-TTg về Đề án phát triển NNHC giai đoạn 2020 – 2030 [11]. Theo đó, các địa phương đều đã có định hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ thông qua các Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch của Tỉnh uỷ, hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh như Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ [6]; Quyết định số 2573/QĐ-UBND của UBND tỉnh Vĩnh Phúc [12]; Quyết định số 2987/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hoà Bình [13]; Kế hoạch số 290/KH-UBND của UBND tỉnh Vĩnh Phúc [4]; Kế hoạch số 220/KH-UBND của thành phố Hà Nội [3]; Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái nguyên [7]; Quyết định số 1984/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn [14]; Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang [8]; Quyết định số 298/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Giang [15]; Quyết định số 685/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh [16],...

Khu vực miền Bắc bao gồm 02 vùng là vùng trung du và miền núi phía Bắc và vùng đồng bằng sông Hồng. Tại Điều 3, Nghị quyết số 81/2023/QH15 định hướng phát triển kinh tế - xã hội, vùng trung du miền núi phía bắc định hướng “Phát triển vùng theo hướng xanh, bền vững và toàn diện” và “Phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, đặc sản, mở rộng diện tích cây ăn quả, dược liệu”. Trên cơ sở hình thành và phát triển các hành lang kinh tế nội vùng, liên vùng, kết nối vùng với các trung tâm kinh tế lớn của vùng đồng bằng sông Hồng [9]. Theo kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thế Chinh và cs (2023) cho thấy, cơ cấu cây trồng nông nghiệp hữu cơ trồng ở vùng trung du và miền núi phía bắc còn có sự chênh lệch lớn đối với 5 nhóm cây là cây lương thực, cây ăn quả, cây rau, gia vị, cây công nghiệp lâu năm và cây dược liệu với tổng diện tích là 20.098,12 ha [1]. Vùng đồng bằng sông Hồng định hướng “Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, hữu cơ, phục vụ đô thị” trên cơ sở phát triển các hành lang kinh tế nội vùng và liên vùng, kết nối với vùng trung du và miền núi phía Bắc [9]. Theo kết quả nghiên cứu của Vũ Thị Hồng Diệp (2025) cho thấy, các loại cây chủ đạo của vùng đồng bằng sông Hồng bao gồm: lúa nước, rau màu, cây ăn quả và cây công nghiệp. Thay vì chỉ tập trung vào cây lúa như trước đây, nhiều địa phương hiện nay đã mở rộng diện tích trồng rau an toàn, cây ăn quả có giá trị cao như: bưởi, cam, vải, nhãn. Đồng thời, việc ứng

dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, như: công nghệ tưới nhỏ giọt, nhà kính, nhà lưới, nông nghiệp tuần hoàn cũng là hướng vùng đang hướng tới nhằm xây dựng ngành nông nghiệp xanh. Đến năm 2024 tổng diện tích đất nông nghiệp toàn vùng là 765.40 nghìn ha [2].

Nghị quyết số 20-NQ/TW đã xác định mục tiêu cụ thể phát triển kinh tế tập thể: “Bảo đảm trên 60% tổ chức kinh tế tập thể đạt loại tốt, khá, trong đó có ít nhất 50% tham gia liên kết theo chuỗi giá trị. Có trên 5.000 hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phát triển các chuỗi giá trị nông sản hàng hóa gắn với liên kết sản xuất, cung cấp dịch vụ chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; đẩy mạnh tham gia vào các chuỗi cung ứng đưa sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu trực tiếp ra nước ngoài” [10]. Luật Hợp tác xã năm 2023 đã bổ sung và hoàn thiện nhiều quy định liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hợp tác xã (HTX), trong đó nhấn mạnh vai trò của HTX trong phát triển kinh tế tập thể và liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Luật quy định rõ các chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng, đào tạo nguồn nhân lực và hỗ trợ ứng dụng khoa học - công nghệ cho HTX. Các quy định này tạo điều kiện thuận lợi để HTX nông nghiệp hữu cơ nâng cao năng lực tổ chức sản xuất, quản trị và kết nối thị trường, đồng thời khẳng định vai trò của HTX như một chủ thể quan trọng trong thực hiện các mục tiêu phát triển nông nghiệp hữu cơ. Hợp tác xã đóng vai trò vô cùng quan trọng trong sự phát triển của nông nghiệp hữu cơ qua việc tập hợp và liên kết nông dân, tổ chức sản xuất theo tiêu chuẩn, kết nối thị trường, cung cấp dịch vụ hỗ trợ và góp phần vào phát triển bền vững [17]. Việc phát huy hiệu quả vai trò của các HTX cũng như HTX nông nghiệp hữu cơ đòi hỏi hệ thống giải pháp đồng bộ và toàn diện, bao gồm hoàn thiện cơ chế, chính sách; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đổi mới tổ chức và phương thức quản trị; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ; đồng thời mở rộng liên kết thị trường và chuỗi giá trị sản phẩm hữu cơ,... Nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã giữ vai trò then chốt trong việc định hướng, tổ chức và quyết định hiệu quả của hoạt động sản xuất nông nghiệp hữu cơ của HTX. Trong bối cảnh nông nghiệp hữu cơ đòi hỏi tiêu chuẩn cao, quy trình nghiêm ngặt và liên kết chặt chẽ theo chuỗi giá trị, nhận thức đúng đắn và đầy đủ của cán bộ quản lý hợp tác xã nông nghiệp hữu cơ trở thành yếu tố nền tảng bảo đảm sự phát triển bền vững.

2. SỐ LIỆU SỬ DỤNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU



2.1 Số liệu sử dụng

Số liệu sử dụng là kết quả khảo sát tại 5 tỉnh bao gồm: Hà Nội, Phú Thọ, Thái Nguyên, Tuyên Quang và Quảng Ninh. Mỗi địa phương tiến hành khảo sát 10 phiếu/tỉnh đối với nhóm đối tượng là cán bộ quản lý/điều hành/thành viên ban quản trị của các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

Thời gian khảo sát: từ tháng 9/2025 đến tháng 11/2025.

2.2 Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện nghiên cứu này, nhóm tác giả sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sau:

+ *Phương pháp tổng hợp, phân tích tài liệu thứ cấp:* Nhóm nghiên cứu tiến hành tổng hợp, phân tích các thông tin, tài liệu được thu thập được từ nhiều nguồn khác nhau như Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Hiệp hội hữu cơ Việt Nam, Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Chi cục, Trung tâm khuyến nông địa phương...

+ *Phương pháp sử dụng bảng hỏi (phiếu điều tra):* Bảng cách sử dụng một bộ câu hỏi được chuẩn bị sẵn và phát trực tiếp đến tận tay các cán bộ quản lý/điều hành/thành viên ban quản trị của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp hữu cơ để thu thập thông tin.

+ *Phương pháp phỏng vấn chuyên sâu:* Nhóm nghiên cứu tiến hành trao đổi, phỏng vấn, nêu các câu hỏi xác định, cụ thể, rõ ràng hơn về thông tin khảo sát.

+ *Phương pháp xử lý, phân tích số liệu:* Xử lý số liệu bằng phần mềm Excel Microsoft Office.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

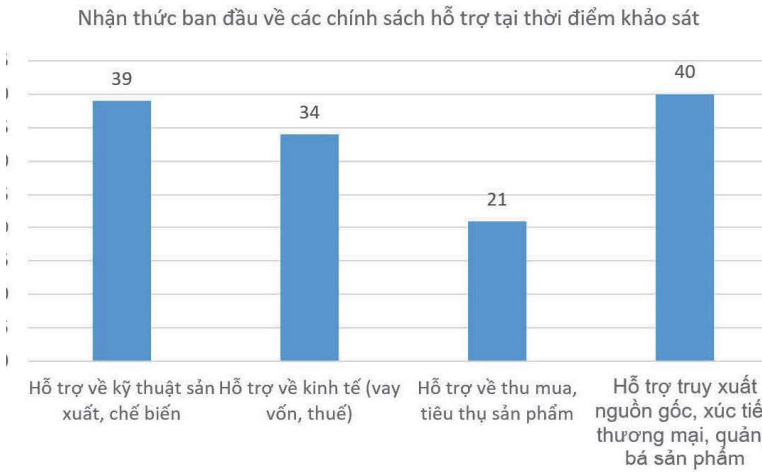
3.1. Hiện trạng nhận thức của các cán bộ quản lý/điều hành/thành viên ban quản trị hợp tác xã về nông nghiệp hữu cơ

Kết quả khảo sát cho thấy, 100% các cán bộ quản lý/điều hành/thành viên ban quản trị hợp tác xã đều có nhận thức đúng và đầy đủ về nông nghiệp hữu cơ và đặc điểm sản xuất nông nghiệp hữu cơ là không sử dụng hóa chất tổng hợp, không sử dụng giống biến đổi gen và không sử dụng hormone tăng trưởng. Về vai trò của nông nghiệp hữu cơ và sản xuất nông nghiệp hữu cơ thì 100% đều hiểu được vai trò của sản xuất nông nghiệp hữu cơ trong đời sống xã hội bao gồm phát triển kinh tế, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, góp phần bảo vệ môi trường và các hệ sinh thái,...

Về chuỗi giá trị nông sản liên quan đến nông nghiệp hữu cơ hầu hết đều hiểu rằng chuỗi giá trị bao gồm các công đoạn khác nhau từ khâu cung ứng vật tư đầu vào, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, thu hoạch, chế biến, bảo quản, đến phân phối và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trong chuỗi giá trị nông nghiệp.

Các chính sách, các văn bản pháp luật định hướng phát triển NNHC thì 100% cán bộ quản lý/điều hành/thành viên ban quản trị hợp tác xã đều biết có các chính sách hỗ trợ và phát triển liên quan đến nông nghiệp hữu cơ và sản xuất nông nghiệp hữu cơ; về các văn bản cụ thể thì có tới 29/50 (chiếm 58%) cán bộ quản lý/điều hành/thành viên ban quản trị hợp tác xã hiểu biết về Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ, tiếp đến là Quyết định 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030 có 28/50 (chiếm 56%), tiếp đến là Thông tư hướng dẫn như Thông tư số 16/2019/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ có tới 27/50 (chiếm 54%), hiểu biết về Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có 26/50 (chiếm 52%). Ngoài ra, các quy định về chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng, đào tạo nguồn nhân lực và hỗ trợ ứng dụng khoa học - công nghệ cho HTX trong Luật Hợp tác xã 2023 hay Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 cũng được trao đổi, thảo luận tại các cuộc phỏng vấn chuyên sâu.

Các chính sách, văn bản hỗ trợ sản xuất NNHC như Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị định số 156/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 cũng đã được đưa ra trao đổi, thảo luận tại các cuộc phỏng vấn chuyên sâu. Theo đó, chính sách hỗ trợ mà cán bộ quản lý/điều hành/thành viên ban quản trị hợp tác xã nhận định nhiều nhất là chính sách hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm với 40/50 phiếu (chiếm tỷ lệ 80%), tiếp đến là chính sách hỗ trợ về kỹ thuật sản xuất, chế biến với 39/50 (chiếm tỷ lệ 78%); tiếp đến là chính sách về kinh tế bao gồm cả



Hình 1. Nhận thức ban đầu về các chính sách hỗ trợ sản xuất NNHC trong đợt khảo sát

cho vay vốn, hỗ trợ thuế và vật tư đầu vào là 34/50 (chiếm tỷ lệ 68%) và cuối cùng là chính sách hỗ trợ và thu mua và tiêu thụ sản phẩm là 21/50 (chiếm tỷ lệ 42%) như Hình 1.

Khi được hỏi là HTX của mình có được hỗ trợ gì từ chính sách của nhà nước liên quan đến phát triển nông nghiệp hữu cơ và sản xuất nông nghiệp hữu cơ nhiều nhất là chính sách hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm (30%); tiếp đến là chính sách hỗ trợ về kỹ thuật sản xuất, chế biến (25%); tiếp đến là chính sách về kinh tế bao gồm cả cho vay vốn, hỗ trợ thuế và vật tư đầu vào (25%); cuối cùng là chính sách hỗ trợ và thu mua và tiêu thụ sản phẩm (20%) (Hình 2). Cụ thể trong từng nội dung đánh giá, cao nhất là được hỗ trợ phát triển thị trường, tiêu thụ sản phẩm với 37/50 (chiếm tỷ lệ 74%) thông qua xúc tiến thương mại, hội chợ, triển lãm,...; tiếp là được hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao với 36/50 (chiếm tỷ lệ 72%) thông qua các trung tâm khuyến nông/các viện nghiên cứu, các tổ chức quốc tế,...; tiếp đó là được hỗ trợ về chính



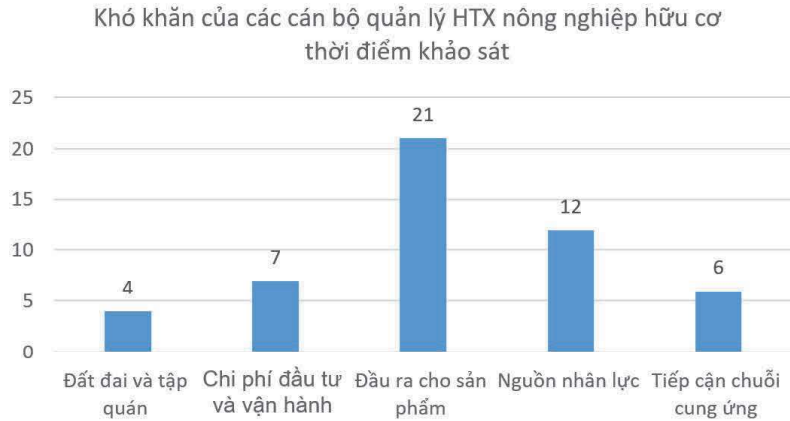
Hình 2. Tỷ lệ được hưởng hỗ trợ từ các chính sách phát triển NNHC trong đợt khảo sát

sách thuế 35/50 (chiếm tỷ lệ 70%) bao gồm hỗ trợ miễn/giảm thuế thu nhập doanh nghiệp; được hỗ trợ truy xuất nguồn gốc 34/50 (chiếm tỷ lệ 68%) thông qua việc cấp mã số vùng trồng, mã truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý; tiếp đến là được hỗ trợ vay vốn ưu đãi cho sản xuất 31/50 (chiếm tỷ lệ 62%); được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và ưu đãi về sử dụng đất tương ứng là 17/50 (chiếm tỷ lệ 34%) và 15/50 (chiếm tỷ lệ 30%).

Các chính sách về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chứng nhận hữu cơ và quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ thì hầu hết các cán bộ đều hiểu rằng quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ là một quy trình sản xuất đồng bộ tuân thủ nghiêm ngặt các quy định theo các tiêu chuẩn nhất định như Tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế,... Đối với nhận thức cụ thể về Bộ tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11041 về nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam thì có tới 42/50 (chiếm 84%) cán bộ HTX hiểu rõ cùng với tiêu chuẩn chung như TCVN 11041-2:2017 về trồng trọt hữu cơ, còn có một số tiêu chuẩn đặc thù cho từng đối tượng cụ thể như TCVN 11041-5:2018 về gạo hữu cơ (quá trình trồng lúa và thu hoạch, sơ chế, chế biến gạo hữu cơ), TCVN 11041-6:2018 về chè hữu cơ và TCVN 11041-13:2023 về trồng trọt hữu cơ trong nhà màng, thùng chứa,...

3.2. Khó khăn, vướng mắc và nhu cầu cần hỗ trợ của các cán bộ quản lý/điều hành/thành viên ban quản trị hợp tác xã sản xuất nông nghiệp hữu cơ

Khi được hỏi về các khó khăn vướng mắc gì trong việc sản xuất nông nghiệp hữu cơ của hợp tác xã thì khó khăn lớn nhất là vấn đề về đầu ra cho sản phẩm chiếm tới 21/50 (chiếm tới 42%) bao gồm các khó khăn như thị trường tiêu thụ sản phẩm còn hạn hẹp, nhỏ lẻ, tiêu thụ chậm, số lượng ít (9/50); Niềm tin cho người tiêu dùng còn thấp, người tiêu dùng chưa hiểu rõ về giá trị NNHC (7/50); giá cả sản



Hình 3. Khó khăn của các cán bộ quản lý HTX nông nghiệp hữu cơ thời điểm khảo sát

phẩm hữu cơ cao, khó cạnh tranh và chưa tương xứng với công, sức lao động bỏ ra (5/50);

Tiếp đến là khó khăn về nguồn nhân lực có 12/50 (chiếm tới 24%) bao gồm nguồn nhân lực sản xuất như trình độ chuyên môn nghiệp vụ về khoa học kỹ thuật, quy trình sản xuất NNHC theo tiêu chuẩn, trình độ công nghệ, chuyển đổi số (7/50) cũng như nguồn nhân lực quản lý gồm quản trị HTX, công tác quản lý (3/50); công tác giám sát của HTX (2/50);

Tiếp đến là chi phí đầu tư và vận hành lớn có 7/50 (chiếm tới 14%) bao gồm: vốn đầu tư ban đầu lớn, ban đầu năng suất thấp, sản lượng cây trồng giảm nên cần kinh phí duy trì (5/50), các loại vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật sinh học giá cao (1/50); Kinh phí cấp giấy chứng nhận, cấp đổi chứng chỉ lớn (1/50);

Tiếp đến là tiếp cận chuỗi cung ứng có 6/50 (chiếm tới 12%) bao gồm các vấn đề về nguyên liệu vật tư phục vụ sản xuất hữu cơ: các loại vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, chưa đa dạng (5/50) và chưa có quy định danh mục nguyên vật liệu cho sản phẩm hữu cơ cụ thể (1/50);

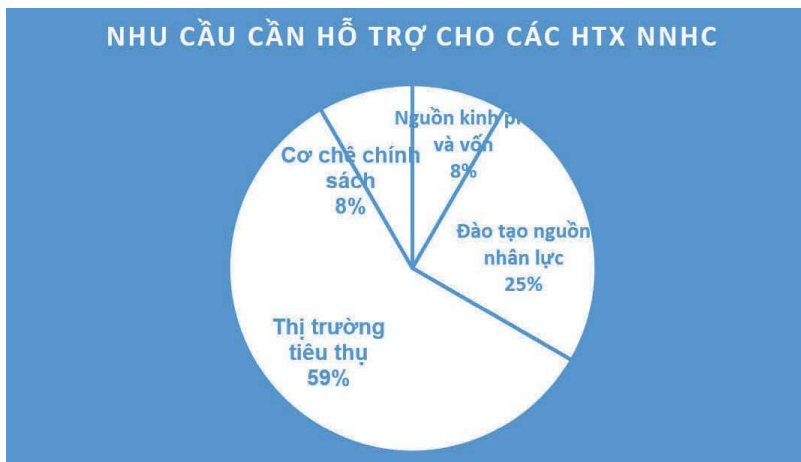
Cuối cùng là quy hoạch, đất đai và tập quán có 4/50 (chiếm tới 8%) bao gồm quy hoạch vùng sản xuất tập trung, không gian canh tác khó

mở rộng thêm do không còn quỹ đất sạch khi HTX có nhu cầu, các hộ sản xuất xung quanh chưa sản xuất hữu cơ (3/50) và một số ít nông dân còn tập quán canh tác truyền thống cũ (1/50) (Hình 3).

Như vậy, mặc dù nông nghiệp hữu cơ được xác định là hướng phát triển tất yếu nhằm nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững ngành nông nghiệp, song nhận thức của một số cán bộ quản lý của HTX vẫn còn nhiều hạn chế như chưa nhận thức đầy đủ về bản chất và yêu cầu của sản xuất nông nghiệp hữu cơ; hạn chế trong nhận thức về quản trị HTX theo chuỗi giá trị hữu cơ từ cung ứng đầu vào, tổ chức sản xuất, sơ chế – chế biến đến tiêu thụ sản phẩm; chưa coi trọng nghiên cứu thị trường, xây dựng thương hiệu và phát triển kênh tiêu thụ; thiếu cơ chế khuyến khích xã viên tham gia quản lý, giám sát và chia sẻ lợi ích; một số cán bộ quản lý chưa nhận thức đầy đủ vai trò của công nghệ trong quản lý vùng nguyên liệu, nhật ký sản xuất, truy xuất nguồn gốc và kết nối thị trường làm ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả tổ chức và hoạt động của HTX.

3.3. Đề xuất giải pháp hỗ trợ cho các cán bộ quản lý/điều hành/ thành viên ban quản trị hợp tác xã sản xuất nông nghiệp hữu cơ

Từ những khó khăn đã được nhận diện trên, khi hỏi HTX cần được hỗ trợ/giúp đỡ gì từ cơ quan nhà nước và chính quyền địa phương trong việc sản xuất nông nghiệp hữu cơ của đơn vị mình thì hầu hết đều cho rằng nhu cầu lớn nhất là tìm thị trường tiêu thụ, đầu ra cho sản phẩm chiếm 58%; tiếp đến là đào tạo nguồn nhân lực (sản xuất & quản trị) bao gồm các nội dung đào tạo, tập huấn, chuyển giao khoa học công nghệ và chuyển đổi số chiếm 25%, tiếp đến là vấn đề về kinh phí để nghị được hỗ trợ vay vốn ưu đãi và kinh phí cấp



Hình 4. Nhu cầu cần hỗ trợ của các cán bộ quản lý HTX nông nghiệp hữu cơ thời điểm khảo sát



Hình 5. Vùng trồng lúa HTX nông nghiệp hữu cơ Đồng Phú, Hà Nội

đối chứng chỉ và hỗ trợ vật tư đầu vào chiếm 8% và tiếp đến là vấn đề về cơ chế chính sách, hỗ trợ quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung đủ lớn và hỗ trợ quy hoạch/quản lý nguồn nước đầu vào cho các vùng sản xuất (Hình 4).

Để nâng cao nhận thức của các cán bộ quản lý HTX, nhóm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp cụ thể như sau:

Thứ nhất, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị thị trường của hợp tác xã thông qua xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc; liên kết chuỗi giá trị đến phát triển kênh phân phối và các hợp đồng bao tiêu sản phẩm; tăng cường xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng, các nền tảng mạng xã hội, trang thương mại điện tử; mang sản phẩm tham gia tại các hội chợ, triển lãm... hỗ trợ quảng bá thương hiệu và xây dựng thương hiệu sản phẩm NNHC (Hình 5,6).

Nâng cao năng lực quản trị thị trường giữ vai trò then chốt, quyết định tính bền vững và khả năng mở rộng của HTX

Thứ hai, tăng cường tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn chuyên sâu về quản trị HTX, quy trình sản xuất NNHC, hỗ trợ tiếp cận thông tin, khoa học – công nghệ và chuyển đổi số qua việc cung cấp thông tin về kỹ thuật, tiêu chuẩn chứng nhận, thị trường và chính sách hỗ trợ; đồng thời hỗ trợ ứng dụng công nghệ số trong quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc và điều hành HTX.



Hình 6. Vùng trồng chè HTX Chè Hào Đạt, Thái Nguyên

Thứ ba, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ tài chính như vay vốn, kinh phí đăng ký, cấp đổi chứng chỉ, chính sách hỗ trợ vật tư đầu vào cũng như kinh phí đào tạo, phụ cấp trách nhiệm và cải thiện điều kiện làm việc cho cán bộ quản lý và Ban quản trị HTX.

Thứ tư, tăng cường nghiên cứu ứng dụng, bổ sung đa dạng các loại vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật sinh học và quy định danh mục nguyên vật liệu cho sản phẩm hữu cơ cụ thể trong NNHC.

Thứ năm, cần quy hoạch các vùng sản xuất tập trung cũng như chính sách hỗ trợ cho các HTX tiếp cận chuỗi cung ứng sản xuất cho từng loại sản phẩm, vùng trồng.

Thứ sáu, hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình HTX nông nghiệp hữu cơ điển hình như ưu tiên hỗ trợ các HTX có đội ngũ quản lý tích cực để xây dựng mô hình điểm; tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm nhằm nâng cao nhận thức và năng lực thực tiễn cho cán bộ quản lý HTX. Đẩy mạnh truyền thông và cơ chế tôn vinh, khen thưởng: Cần tăng cường truyền thông về vai trò của cán bộ quản lý HTX và có hình thức khen thưởng, tôn vinh kịp thời các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong phát triển NNHC.

4. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát cho thấy 100% cán bộ quản lý/điều hành/thành viên ban quản trị HTX có nhận thức đúng về khái niệm, đặc điểm và vai trò của nông nghiệp hữu cơ (NNHC), hiểu rõ nguyên tắc không sử dụng hóa chất tổng hợp, giống biến đổi gen và hormone tăng trưởng. Đa số nắm được chuỗi giá trị từ cung ứng đầu vào đến



tiêu thụ sản phẩm. Về chính sách, tất cả đều biết có cơ chế hỗ trợ, trong đó 58% hiểu rõ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP; 56% biết đến Quyết định 885/QĐ-TTg, có 84% nắm rõ bộ tiêu chuẩn TCVN 11041,...

Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất là đầu ra sản phẩm (42%), tiếp đến là hạn chế nguồn nhân lực (24%), chi phí đầu tư cao (14%) và tiếp cận chuỗi cung ứng (12%). Nhu cầu hỗ trợ chủ yếu tập trung vào tìm kiếm thị trường (58%) và đào tạo nâng cao năng lực quản trị, chuyển đổi số. Điều này cho thấy cần tăng cường hỗ trợ phát triển thị trường và nâng cao năng lực quản lý để bảo đảm phát triển NNHC bền vững.

Lời cảm ơn: Nhóm tác giả trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Đề tài khoa học và công nghệ “Nghiên cứu, đánh giá nhận thức và nhu cầu hỗ trợ và đề xuất giải pháp để phát triển nông nghiệp hữu cơ gắn với bảo vệ môi trường”, Mã số: TNMT.885.10.

Lời cam đoan: Tập thể tác giả cam đoan bài báo này là công trình nghiên cứu của tập thể tác giả, chưa được công bố ở đâu, không được sao chép từ những nghiên cứu trước đây; không có sự tranh chấp lợi ích trong nhóm tác giả

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thế Chinh, Nguyễn Thị Liễu. Bước đầu nghiên cứu đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp phát triển nông nghiệp hữu cơ vùng trung du và miền núi phía Bắc. Tạp chí Môi trường, số Chuyên đề Tiếng Việt 1/2023.
2. Vũ Thị Hồng Diệp, Nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp nhằm hướng tới tăng trưởng xanh tại vùng đồng bằng sông Hồng – thực trạng và giải pháp. Tạp chí quản lý nhà nước ISSN e – 2815-5831, Tháng 5 năm 2025.
3. Kế hoạch số 220/KH-UBND về phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ của thành phố Hà Nội, giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.
4. Kế hoạch số 290/KH-UBND ngày 23/11/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc triển khai thực hiện đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ và theo hướng hữu cơ trên địa bàn tỉnh Vĩnh phúc năm 2024.
5. Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về NNHC.
6. Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ về quy định chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.
7. Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái nguyên ngày 11/12/2020 về việc thông qua đề án phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh thái nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

8. Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ngày 15/12/2020 về việc quy định chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
9. Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội ngày 09/01/2023 về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
10. Nghị quyết số: 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 Ban chấp hành trung ương đảng cộng sản việt nam tại hội nghị lần thứ năm ban chấp hành trung ương đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.
11. Quyết định số 885/QĐ-TTg về Đề án phát triển NNHC giai đoạn 2020 – 2030.
12. Quyết định số 2573/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất nông nghiệp hữu cơ và theo hướng hữu cơ trên địa bàn tỉnh vĩnh phúc giai đoạn 2020 – 2022.
13. Quyết định số 2987/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc Phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Hòa Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
14. Quyết định số 1984/QĐ-UBND của ủy ban nhân dân tỉnh Bắc kạn ngày 20/10/2021 về việc phê duyệt kế hoạch phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh bắc kạn giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.
15. Quyết định số 298/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Giang ngày 2/3/2023 về việc Phê duyệt Đề án “Phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Hà Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
16. Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt đề án “Phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Quảng ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
17. [https://nongnghiephuuco.vn/Vai trò Hợp tác xã và những nhiệm vụ mới đối với Nông nghiệp hữu cơ.](https://nongnghiephuuco.vn/Vai%20tr%C3%B2%20H%E1%BB%80p%20t%C3%A1c%20x%C3%A0%20v%C3%A0%20nh%C3%BB%97%20nh%C3%BB%97%20nhi%E1%BB%80m%20v%E1%BB%A5%20m%E1%BB%97%20%C3%B0%E1%BB%97%20%C3%B0%E1%BB%97%20n%C3%B0ng%20nghi%E1%BB%80p%20h%C3%BB%97%20c%C3%B4)
18. V. T. Dinh, T. M. N. Bui, N. K. La, and Q. B. Tran, “Actual status of agricultural production on forest land in The Central Highlands of Vietnam,” *Journal of Agriculture and Rural Development*, no. 13, pp. 1-10, 2019.
19. H. Hoang, T. H. A. Nguyen, H. L. Nguyen, and H. M. Nguyen, Assessment of the current status and potential of environmental resources for the development of organic agriculture in the Central Highlands region, Vietnam,” *Vietnam Journal of Science and Technology - Ministry of Science and Technology*, no. 66, pp. 25-34, 2024.
20. National Research Council/Committee on twenty-first century systems agriculture, *Toward sustainable agricultural systems in the 21st century*, National Academies Press, Washington, DC, 2010.